

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



NGUYỄN TRUNG SƠN

Tên đề tài:

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP
SỬ DỤNG HỢP LÝ ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã số: 60. 62. 16

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hà Xuân Linh

THÁI NGUYÊN - 2012

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng của môi trường sống và có vai trò đặc biệt quan trọng với sản xuất nông nghiệp. Bất kỳ quốc gia nào đất đều là tư liệu sản xuất nông - lâm nghiệp chủ yếu, cơ sở lãnh thổ để phân bố các ngành kinh tế quốc dân.

Trong những năm gần đây, hoà cùng với xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, kinh tế của Việt Nam ngày càng phát triển. Cùng với sự vận động và phát triển này, con người ngày càng “vắt kiệt” nguồn tài nguyên đất để phục vụ cho lợi ích của mình, dẫn đến sự thoái hoá đất, giảm tính bền vững trong phát triển kinh tế nói chung và trong nông nghiệp nói riêng.

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi phía Bắc, cùng với xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới của cả nước, trong những năm qua nền kinh tế của Thái Nguyên có những bước phát triển đáng kể. Phú Lương là huyện nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có diện tích đất tương đối lớn và nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, trong đó nông nghiệp có tầm quan trọng lớn đối sự phát triển của huyện, 80% dân số của huyện sống bằng nghề nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp bình quân trên đầu người còn thấp. Vì vậy việc sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả nhằm đem lại nhiều hơn những sản phẩm cho xã hội có ý nghĩa rất lớn đối với tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Phú Lương nói riêng. Do phải chịu sức ép về gia tăng dân số nên một số năm gần đây trong sản xuất nông nghiệp ở huyện Phú Lương chưa chú trọng đúng mức việc sử dụng đất đai mà chỉ quan tâm đến năng suất sản lượng cây trồng. Chính vì vậy, hệ sinh thái nông nghiệp đã bị thay đổi đáng kể và tính bền vững trong hệ

thống nông nghiệp không được duy trì. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến nguy cơ làm thoái hoá đất đai đặc biệt là ở các vùng sản xuất chuyên canh.

Xuất phát từ thực tiễn đó, với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp và sử dụng hợp lý hơn đất nông nghiệp hiện có, góp phần bảo vệ môi trường. Chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: ***“Đánh giá hiệu quả và đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại huyện Phú Lương - tỉnh Thái Nguyên”***

2. Mục tiêu của đề tài

- Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Phú Lương là cơ sở định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp trong tương lai theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững.

- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và nâng cao mức thu nhập của người dân.

Chương 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Một số vấn đề lý luận về sử dụng đất nông nghiệp bền vững

1.1.1 Khái quát về đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp là đất được xác định chủ yếu để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hoặc nghiên cứu thí nghiệm về nông nghiệp. Theo Luật đất đai 2003 trong phân loại đất thì đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây "đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

Theo báo cáo của World Bank, cho đến cuối thế kỷ XX vẫn còn 1/10 dân số thế giới thiếu ăn và bị nạn đói đe dọa, hàng năm mức sản xuất so với yêu cầu sử dụng lương thực vẫn thiếu hụt từ 150 - 200 triệu tấn, trong khi đó vẫn có từ 6 - 7 triệu ha đất nông nghiệp bị loại bỏ do xói mòn {47}.

Theo tài liệu của FAO, năm 1980 diện tích trồng trọt trên toàn thế giới còn khoảng gần 15 tỷ ha, chiếm khoảng 10% tổng diện tích tự nhiên trái đất, trong đó có khoảng 973 triệu ha là đất vùng núi. Trong 1.200 triệu ha đất bị thoái hoá có tới 544 triệu ha đất canh tác mất khả năng sản xuất do sử dụng đất không hợp lý {43}.

Việt Nam có tổng diện tích tự nhiên là 33.069.348,12 ha trong đó đất nông nghiệp chỉ có 9.415.568,0 ha, đất lâm nghiệp có 14.677.409,10 ha. Dân số là 83.121,0 triệu người, bình quân diện tích đất nông nghiệp là 1.132,75 m²/người, bình quân đất lâm nghiệp là 1.765,78 m²/người. So sánh với 10 nước khu vực Đông Nam Á, tổng diện tích tự nhiên của Việt Nam xếp hàng thứ 4, nhưng dân số lại xếp hàng thứ 2 nên bình quân diện tích tự nhiên trên đầu người của Việt Nam đứng vị trí thứ 9 trong khu vực (Bộ TN&MT, 2007).

Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, diện tích đất nông nghiệp tăng từ 8.793.783 ha (năm 2000) lên 9.363.063 ha (năm 2010). Tuy nhiên, dân số nước ta cũng tăng từ 77.635.400 người (năm 2000) lên 86.408.856 người (năm 2010). Bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người của cả nước lại có xu thế giảm từ 0,113 ha (năm 2000) xuống 0,108 ha (năm 2010). Như vậy, trong 10 năm (2000-2010), bình quân diện tích đất nông nghiệp giảm 50 m²/người, hàng năm giảm 5 m²/người. Đây là con số còn rất khiêm tốn (Bộ TN&MT, 2007).

Đáng báo động hơn là tình trạng suy giảm chất lượng đất nông nghiệp do rửa trôi, xói mòn, khô hạn và sa mạc hoá, mặn hoá, phèn hoá, chua hoá, thoái hoá lý hoá học đất, ô nhiễm... Suy thoái chất lượng đất dẫn tới việc giảm khả năng sản xuất, giảm đa dạng sinh học và nhiều hậu quả khác. Những tác động tiêu cực trên đây ảnh hưởng trực tiếp đến hơn 50% diện tích đã và đang sản xuất nông nghiệp, đồng thời cũng là thách thức to lớn đối với sự phát triển nông nghiệp bền vững ở nước ta. Mặt khác, việc sử dụng đất còn lãng phí, chỉ tính riêng ở 68 nông trường quốc doanh và 33 vùng kinh tế mới và chuyên canh trước đây đã có trên 30.000 ha sau khi khai hoang lại bị bỏ hoá trở lại, không đưa vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Để sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững cần quan tâm quản lý tốt cả về số lượng và chất lượng đất đai

Vì vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sử dụng đất có hiệu quả nhằm thoả mãn nhu cầu cho xã hội về nông sản phẩm đang trở thành một trong những mối quan tâm lớn nhất của người quản lý và sử dụng đất.

1.1.2. Sử dụng đất theo hướng phát triển bền vững

Đất đai ngày càng thể hiện vai trò vô cùng quan trọng của nó không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Khi dân số trên trái đất còn ít thì đất đai có thể đáp ứng một cách dễ dàng nhu cầu của con người về số lượng cũng như chất lượng, trong điều kiện ấy con người cũng ít có tác động lớn đến tài nguyên quý

báo này. Một vài thập kỷ gần đây, dân số thế giới tăng nhanh kéo theo những nhu cầu về lương thực, thực phẩm, chỗ ở... tăng lên tạo nên một sức ép vô cùng lớn đến vấn đề sử dụng đất, những diện tích đất đai màu mỡ ngày càng bị thu hẹp trước những nhu cầu công nghiệp hoá, đô thị hoá... dẫn đến con người phải tìm cách khai thác những vùng đất ít thích hợp cho sản xuất. Hậu quả của quá trình này là đất đai bị thoái hoá, rửa trôi, xói mòn nghiêm trọng làm một diện tích lớn đất đai trên thế giới bị suy kiệt, ngoài ra còn ảnh hưởng đến môi trường sống của con người và nhiều loài động thực vật khác.

Nhằm đảm bảo cho cuộc sống của con người hiện tại cũng như thế hệ tương lai nên cần phải có những chiến lược sử dụng đất đảm bảo duy trì khả năng sản xuất của đất ở hiện tại cũng như tương lai. Thuật ngữ “sử dụng đất bền vững” ra đời dựa trên những mong muốn trên. Việc tìm kiếm các giải pháp sử dụng đất một cách hiệu quả và bền vững luôn là mong muốn của con người trong suốt cả thời gian. Việc sử dụng đất bền vững là sử dụng đất với tất cả những đặc trưng vật lý, hoá học, sinh học có ảnh hưởng đến khả năng sử dụng đất. Thuật ngữ đất đai được đề cập đến ở đây gồm thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu, thủy văn, thực vật và động vật, kể cả vấn đề cải thiện các biện pháp quản lý đất đai. Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) sử dụng thuật ngữ “chất lượng đất đai” trong sử dụng đất bền vững bao gồm các nhân tố ảnh hưởng đến sự bền vững của tài nguyên đất khi sử dụng cho các mục đích nhất định, chất lượng đất đai có thể khác nhau trên nhiều phương diện như khả năng cung cấp nước tưới, khả năng cung cấp chất dinh dưỡng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, khả năng chống chịu xói mòn, sức sản xuất tự nhiên và phân bố địa hình ảnh hưởng đến khả năng cơ giới hoá. Để duy trì được sự bền vững của đất đai, Smyth AJ và Julian Dumanski (1993) đã xác định 5 nguyên tắc có liên quan đến sự sử dụng đất bền vững là {41}:

- Duy trì hoặc nâng cao các hoạt động sản xuất.
- Giảm mức độ rủi ro đối với sản xuất.
- Bảo vệ tiềm năng của các nguồn tài nguyên tự nhiên, chống lại sự thoái hoá chất lượng đất và nước.
- Khả thi về mặt kinh tế.
- Được xã hội chấp nhận

Như vậy, theo các tác giả, sử dụng đất bền vững không chỉ thuần túy về mặt tự nhiên mà còn cả về mặt môi trường, lợi ích kinh tế và xã hội. Năm nguyên tắc trên đây là trụ cột của việc sử dụng đất bền vững, nếu trong thực tiễn đạt được cả năm nguyên tắc trên thì sự bền vững sẽ thành công, ngược lại sẽ chỉ đạt được ở một vài bộ phận hay sự bền vững có điều kiện. Tại Việt Nam, theo ý kiến của Đào Châu Thu và Nguyễn Khang (1998), việc sử dụng đất bền vững dựa trên những nguyên tắc và được thể hiện trong 3 yêu cầu sau:

- Bền vững về mặt kinh tế.
- Bền vững về mặt môi trường.
- Bền vững về mặt xã hội.

Khía cạnh môi trường trong phát triển bền vững đòi hỏi chúng ta duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường tự nhiên với sự khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ lợi ích con người nhằm mục đích duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép môi trường tiếp tục hỗ trợ điều kiện sống cho con người và các sinh vật sống trên trái đất.

Khía cạnh xã hội của phát triển bền vững cần được chú trọng vào sự phát triển sự công bằng và xã hội luôn cần tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực phát triển con người và cố gắng cho tất cả mọi người cơ hội phát triển tiềm năng bản thân và có điều kiện sống chấp nhận được.

Yếu tố kinh tế đóng một vai trò không thể thiếu trong phát triển bền vững. Nó đòi hỏi sự phát triển của hệ thống kinh tế trong đó cơ hội để tiếp xúc với những nguồn tài nguyên được tạo điều kiện thuận lợi và quyền sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế được chia sẻ một cách bình đẳng. Khẳng định sự tồn tại và phát triển của bất cứ ngành kinh doanh, sản xuất nào cũng được dựa trên những nguyên tắc đạo lý cơ bản. Yếu tố được chú trọng ở đây là tạo ra sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, không chỉ tập trung mang lại lợi nhuận cho một số ít, trong một giới hạn cho phép của hệ sinh thái cũng như không xâm phạm những quyền cơ bản của con người.

1.1.3. Quan điểm sử dụng đất nông nghiệp bền vững

* Quan điểm sử dụng đất nông nghiệp:

Tận dụng triệt để các nguồn lực, khai thác lợi thế so sánh về khoa học, kỹ thuật, đất đai, lao động để phát triển cây trồng, vật nuôi có tỷ suất hàng hoá cao, tăng sức cạnh tranh và hướng tới xuất khẩu.

Thực hiện sử dụng đất nông nghiệp theo hướng tập trung chuyên môn hoá, sản xuất hàng hoá theo hướng ngành hàng, nhóm sản phẩm, thực hiện thâm canh toàn diện và liên tục.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở thực hiện đa dạng hoá hình thức sở hữu, tổ chức sử dụng đất nông nghiệp, đa dạng hoá cây trồng vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với sinh thái và bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phù hợp và gắn liền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Chú ý đầu tư có trọng điểm để tạo ra các vùng kinh tế làm động lực lôi cuốn nhưng không lãng quên đầu tư diện rộng nhằm giảm bớt sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư.

1.2. Đặc điểm sử dụng đất nông nghiệp vùng khí hậu nhiệt đới

Vùng khí hậu nhiệt đới ẩm là một vùng chiếm một diện tích rộng lớn của thế giới và chứa các phân lãnh thổ của khoảng 60 quốc gia (*hoàn toàn hay một phần trong vùng sinh khí hậu này*). Việc sử dụng sáng suốt tài nguyên đất và nước trong vùng nhiệt đới ẩm là những vấn đề chủ yếu của toàn thế giới hiện tại, vì những sự tương tác giữa dân số con người, các yếu tố xã hội - kinh tế và chính sách, với tài nguyên thiên nhiên của các vùng sinh thái mong manh này. Quản lý sai lầm tài nguyên đất và các hệ thống nông nghiệp dựa trên tài nguyên không hiệu quả đang gây ra sự xuống cấp nghiêm trọng các vùng sinh thái này cùng với tình trạng thiếu lương thực, suy dinh dưỡng và nghèo nàn đang đeo bám dai dẳng các cộng đồng dân cư. Hiện nay nhiều diện tích rộng lớn của rừng mưa nhiệt đới đang bị biến mất hàng năm do lửa rừng, búa rìu, cưa xích, máy ủi, và thuốc khai quang, để sản xuất lương thực nuôi sống một dân số không ngừng tăng lên, nguyên liệu cho công nghiệp, và nông sản hàng hoá để xuất khẩu cũng như để phát triển cơ sở hạ tầng cho những người nhập cư mới đến khu vực và cho nhu cầu công nghiệp hoá. Các phương pháp không tương thích về mặt sinh thái của sự chuyển hoá rừng, các hệ thống sử dụng đất không phù hợp, và sự quản lý đất và hoa màu không khoa học dựa trên các kỹ thuật bóc lột độ phì của đất, đã thúc đẩy xói mòn đất, góp phần ô nhiễm các mặt nước tự nhiên, phá vỡ cân bằng nước và năng lượng ở các hệ sinh thái với các cấp độ từ vi mô cho đến trung và vĩ mô, và phá vỡ các chu trình của các nguyên tố (ví dụ, C, N, và S) cùng với các hệ quả sinh thái toàn cầu. Một hệ quả toàn cầu chính của sự mất, đốt, và chuyển hoá rừng thành các hệ thống sử dụng đất không bền vững là sự phóng thích của những lượng lớn CO₂ và các chất hoạt động phóng xạ hay các khí gây hiệu ứng nhà kính vào khí quyển. Nếu các phương pháp chuyển hoá rừng, sử dụng đất và

các hệ thống nông nghiệp được cải thiện dựa trên các hiểu biết khoa học không được chấp nhận rộng rãi trong tương lai gần, sự nhiễu loạn lớn trong các hệ sinh thái mong manh của rừng mưa nhiệt đới có thể dẫn tới sự xuống cấp không hồi phục được của đất và môi trường.

1.2.1. Các hệ thống canh tác chính trong vùng nhiệt đới ẩm

Vì các hệ thống canh tác trong vùng nhiệt đới dựa ít hay không dựa vào các nhập lượng từ bên ngoài và được tiến hành trên đất không màu mỡ, chúng thường có hiệu quả và năng suất thấp. Các hệ thống này có các đặc trưng sau:

- Rất đa dạng và phức tạp, nông dân gieo trồng đồng thời đến 12 loài hoa màu trên cùng mảnh đất, vì đa canh là phương thức phổ biến.

- Dựa vào tài nguyên và thâm canh lao động, với sự phụ thuộc tối thiểu vào các nhập lượng mua từ bên ngoài. Sự phục hồi độ phì của đất dựa trên thời gian bỏ hoá dài. Thời gian canh tác so với thời gian bỏ hoá phụ thuộc vào khí hậu, thảm thực vật, loại đất, và áp lực dân số.

- Quy mô nông trại nhỏ (1-2 ha) phù hợp để quản lý bởi hộ gia đình và sản xuất thủ công.

1.2.2. Sự xuống cấp của đất trong vùng nhiệt đới ẩm

Tổng diện tích bị xuống cấp do các tiến trình suy thoái của đất khác nhau trên thế giới được ước lượng vào khoảng 2 tỷ ha. Diện tích đất bị xuống cấp lớn nhất là ở Châu Á (38%) và Châu Phi (27%). Phần lớn sự xuống cấp này gây ra bởi sự xói mòn gia tốc, là một vấn đề nghiêm trọng trong vùng nhiệt đới ẩm. Tải lượng vật liệu bồi lắng cao đã được báo cáo từ các vùng ẩm của Costa Rica, Malaysia, Panama, Papua New Guinea, Australia, Philippines, và Thái Lan. Mức độ xuống cấp của đất cao được quan sát trong các vùng nhiệt đới ẩm của Trung Mỹ, Châu Phi, và Châu Á. Sự xói mòn do nước xảy ra nghiêm trọng và phổ biến trong các vùng ẩm của Đông Nam Châu Á, bao gồm Mianma, Thái Lan,